

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2023

“V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly
hôn, nuôi con và chia tài sản,”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**
2. Bà **Võ Thị Diệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, Đ.

Bị đơn: Anh **Võ Văn T1**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, Đ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Đ cấp ngày 31/10/2002. Vợ chồng sống với nhau lúc đầu vẫn có hạnh phúc. Thời gian sau thì anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không chí thú làm ăn không biết chăm lo cho vợ con nên cuộc sống gia đình thiếu thốn và khó khăn. Chị T khuyên ngăn và tha thứ cho anh T1 nhưng anh T1 không sửa đổi, vô trách Nệm. Nay chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 22/12/2003; Võ Thị Yến N, sinh ngày 30/5/2008 và Võ Văn Hóa, sinh ngày 07/01/2010. Hiện tại các con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Yến N và Võ Văn H và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Còn Võ Đăng K đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Đối với bị đơn là anh Võ Văn T1** đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:*

- Giấy CCCD của nguyên đơn (bản photo);
- Trích lục kết hôn (bản sao).
- Giấy khai sinh tên Võ Thị Yến N và Võ Văn Hóa (bản sao).
- Giấy CCCD tên Võ Đăng K (bản photo);
- Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử đề ngày 06/4/2023 (bản chính);

- Đơn xin xét xử vắng mặt ký tên Nguyễn Thị Thanh T (bản chính);

* *Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:*

- 02 bản tự khai của Võ Thị Yến N và Võ Văn Hóa (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Võ Văn T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

- Về hôn nhân: Xét thấy chị T và anh T1 kết hôn, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đ cấp ngày 31/10/2002. Vợ chồng sống với nhau lúc đầu vẫn có hạnh phúc. Thời gian sau thì anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không chí thú làm ăn không biết chăm lo cho vợ con nên cuộc sống gia đình thiếu thốn và khó khăn. Chị T khuyên ngăn và tha thứ cho anh T1 nhưng anh T1 không sửa đổi, vô trách Nệm. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, chị T yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, bởi vì: mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm T1, không ai quan tâm nhau bởi anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không chí thú làm ăn không biết chăm lo cho vợ con nên cuộc sống gia đình thiếu thốn và khó khăn. Trong thời gian sống xa nhau, chị N có ý hằn gấn tình cảm vợ

chồng nhưng không thành. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn T1, xét thấy là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 22/12/2003; Võ Thị Yến N, sinh ngày 30/5/2008 và Võ Văn H, sinh ngày 07/01/2010. Hiện tại các con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Yến N và Võ Văn Hóa và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Còn Võ Đăng K đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện 02 con chung tên Võ Thị Yến N và Võ Văn H do chị T nuôi dưỡng, được chăm sóc chu đáo, đang phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ ý kiến của chị T về việc giao con cho chị T nuôi dưỡng nhưng anh T1 không có ý kiến gì. Đồng thời cháu N, Hóa có nguyện vọng sống chung với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống và tinh thần ổn định cho cháu Võ Thị Yến N và cháu Võ Văn Hóa, nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 30/5/2008 và Võ Văn Hóa, sinh ngày 07/01/2010 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Võ Đăng K hiện trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do chị T không có yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là tự nguyện và phù hợp theo qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

Anh Võ Văn T1 có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Yên N, sinh ngày 30/5/2008 và Võ Văn Hóa, sinh ngày 07/01/2010 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

Anh Võ Văn T1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000119 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ. Như vậy, chị T đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trung Dũng

